**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP – HỌC KÌ I**

**MÔN GDCD – LỚP 12- NĂM HỌC: 2022- 2023**

**BÀI 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG**

Câu 1. Mỗi quy tắc xử sự thường được thể hiện thành

A. một quy phạm pháp luật. B. một quy định pháp luật. C. một chế pháp luật. D. một ngành luật.

Câu 2. Nội dung của văn bản luật cấp dưới không được trái với nội dung của văn bản luật cấp trên là thể hiện

A. tính bắt buộc chung. B. quy phạm phổ biến.

C. tính cưỡng chế. D. tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 3. Bất kì ai trong điều kiện hoàn cảnh nhất định cũng phải xử xự theo khuôn mẫu được pháp luật

quy định phản ánh đặc trưng cơ bản nào của pháp luật?

A. Tính quyền lực bắt buộc chung. B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính cưỡng chế. D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 4. Quy tắc xử xự chung do nhà nước ban hành là

A. công văn. B. nội quy. C. pháp luật. D. văn bản.

Câu 5. Dựa vào đặc trưng cơ bản nào của pháp luật để phân biệt sự khác nhau giữa pháp luật

với quy phạm đạo đức?

A. Tính quyền lực bắt buộc chung. B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính xác định chặt chẽ về mặt nội dung. D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 6. Pháp luật do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của nhà nước là

 đặc trưng nào của pháp luật?

Câu 7. Văn bản luật nào sau đây của nước ta có hiệu lực pháp lí cao nhất?

A. Hiến pháp. B. Chỉ thị. C. Thông tư. D. Nghị quyết.

Câu 8. Pháp luật quy định những việc được làm, những việc phải làm và những việc

A. sẽ làm. B. không nên làm. C. cần làm. D. không được làm.

Câu 9. Các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền mà

 nhà nước là đại diện thể hiện bản chất nào sau đây của pháp luật?

A. Bản chất giai cấp. B. Bản chất xã hội. C. Bản chất kinh tế. D. Bản chất chính trị.

Câu 10. Pháp luật mang bản chất xã hội vì pháp luật

A. đứng trên xã hội. B. bắt nguồn từ thực tiễn của đời sống xã hội.

C. luôn tồn tại trong mọi xã hội. D. phản ánh lợi ích của giai cấp cầm quyền

Câu 11. Pháp luật mang tính quyền lực bắt buộc chung vì pháp luật

A. được hình thành từ đạo đức. B. được hình thành từ xã hội.

C. do nhà nước ban hành. D. do người dân xây dựng.

Câu 12. Văn bản nào dưới đây là văn bản pháp luật?

A. Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Nghị quyết của Quốc hội.

C. Nghị quyết của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

D. Nghị quyết của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Câu 13. Đặc trưng của pháp luật không bao gồm nội dung nào dưới đây?

A. Tính quyền lực bắt buộc chung. B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính công khai dân chủ. D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 14. Chuẩn mực về những việc được làm, việc phải làm, việc không được làm là

A. đạo đức. B. pháp luật. C. kinh tế. D. chính trị.

Câu 15. Văn bản luật nào dưới đây không phải là văn bản dưới luật ?

A. Nghị quyết. B. Luật hôn nhân và gia đình.

C. Chỉ thị. D. Nghị định.

Câu 16. Nếu pháp luật mang tính bắt buộc thì đạo đức mang tính

A. tự phát. B. tự nhiên. C. tự giác. D. tự nó.

.Câu 17. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương của nước ta là

A. Ủy ban nhân dân. B. Hội đồng nhân dân. C. Tòa án nhân dân. D. Viện kiểm sát nhân dân.

Câu 18. Phạm vi điều chỉnh của pháp luật như thế nào so với phạm vi điều chỉnh của đạo đức

A. Rộng hơn B. Hẹp hơn C. Lớn hơn D. Nhiều hơn

Câu 19. X vi phạm pháp luật bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt là thể hiện đặc

 trưng cơ bản nào của pháp luật?

A. Tính quyền lực bắt buộc chung. B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính cưỡng chế. D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 20. Trên đường phố, tất cả mọi người đều tuân thủ luật giao thông đường bộ là sự phản ánh

 đặc trưng nào của pháp luật?

A. Tính quyền lực bắt buộc chung. B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính cưỡng chế. D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

**BÀI 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

Câu 1. Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những

 gì pháp luật

A. cho phép làm. B. quy định làm. C. bắt buộc làm. D. khuyến khích làm.

Câu 2. Thi hành pháp luật là các cá nhân, tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ làm những gì mà pháp luật

A. quy định phải làm. B. khuyến khích làm. C. cho phép làm. D. bắt buộc phải làm.

Câu 3. Hoạt động có mục đích làm cho các quy định của pháp luật đi vào đời sống, trở thành những

hành vi hợp pháp của các cá nhân tổ chức là

A. thực hiện pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. tuân thủ pháp luật. D. áp dụng pháp luật.

Câu 4. Các tổ chức cá nhân không làm những việc bị cấm là

A. sử dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. tuân thủ pháp luật.D. áp dụng pháp luật.

Câu 5. Cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào quy định của pháp luật để đưa ra

quyết định phát sinh chấm dứt hoặc thay đổi các quyền nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức là

A. sử dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. tuân thủ pháp luật. D. áp dụng pháp luật.

Câu 6. Hành vi trái pháp luật mang tính có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện,

xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ là

A. xâm phạm pháp luật. B. trái pháp luật. C. vi phạm pháp luật.D. tuân thủ pháp luật.

Câu 7. Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới

A. các quy tắc quản lý nhà nước. B. các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

C. các quan hệ lao động. D. Các quan hệ công vụ nhà nước.

Câu 8. Hành vi xâm phạm các quy tắc kỉ luật lao động trong các cơ quan, trường học, doanh nghiệp là vi phạm

A. hành chính. B. hình sự. C. dân sự . D. kỷ luật.

Câu 9. Hành vi xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân do cá nhân hoặc tổ chức thực

hiện là vi phạm

A. hành chính. B. hình sự. C. dân sự. D. kỷ luật.

Câu 10. Hành vi xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước là vi phạm

A. hành chính. B. hình sự. C. dân sự. D. kỷ luật.

Câu 11. Hành vi gây nguy hiểm cho xã hội được quy định tại bộ luật hình sự là vi phạm

A. hành chính. B. hình sự. C. dân sự. D. kỷ luật.

Câu 12. Trách nhiệm pháp lí áp dụng đối với người vi phạm pháp luật đối với vi phạm về tài sản là

A. Cấm cư trú. B. Cấm đi lại.

C. Buộc xin lỗi công khai. D. Đền bù thiệt hại về tài sản.

Câu 13. Các cá nhân, tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình là

A. nghĩa vụ. B. trách nhiệm pháp lí. C. trách nhiệm gia đình. D. trách nhiệm công dân.

Câu 14. Độ tuổi nào khi vi phạm pháp luật được áp dụng nguyên tắc giáo dục là chủ yếu để họ

sửa chữa sai lầm, thành công dân có ích?

A. Đủ 12 - dưới 14. B. Đủ 14 - dưới 16. C. Đủ 16- dưới 18. D. Đủ 14 - dưới 18.

Câu 15. Người ở độ tuổi nào dưới đây phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng do

cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng?

A. Đủ 12 - dưới 14. B. Đủ 14 - dưới 16. C. Đủ 16- dưới 18. D. Đủ 14 - dưới 18.

Câu 16. Đạt độ tuổi nhất định để có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình là

A. năng lực trách nhiệm pháp lí. B. năng lực hình sự.

C. năng lực dân sự. D. hành vi hợp pháp.

Câu 17. Độ tuổi nào khi tham gia các giao dịch dân sự phải được người đại diện đồng ý,

có quyền nghĩa vụ, trách nhiệm dân sự do người đại diện xác lập và thực hiện

A. đủ 6 - dưới 18. B. đủ 8 - dưới 18. C. đủ 14 - dưới 18. D. đủ 16 - dưới 18.

Câu1 8. Người từ đủ bao nhiêu tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi hành vi

vi phạm do mình gây ra?

A. Đủ 14. B. Đủ 16. C. Đủ 12. D. Đủ 18.

Câu 19. Người từ đủ bao nhiêu tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi hành vi vi phạm

 do mình gây ra?

A. Đủ 14. B. Đủ 16. C. Đủ 12. D. Đủ 18.

Câu 20. Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì

A. vi phạm hành chính. B. vi phạm hình sự. C. vi phạm dân sự. D. vi phạm kỉ luật.

Câu 21. Hình thức xử phạt nào sau đây không đúng khi cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính

A. cải tạo không giam giữ. B. tịch thu tang vật vi phạm.

C. phạt tiền. D. cảnh cáo.

Câu 22. Chủ thể vi phạm thường bị phạt tiền, cảnh cáo, khôi phục hiện trạng ban đầu, thu giữ tang vật,

 phương tiện dùng để vi phạm là vi phạm nào sau đây?

A. Hình sự. B. Dân sự. C. Kỉ luật. D. Hành chính.

Câu 23. Khi vi phạm, chủ thể vi phạm phải bồi thường thiệt hại, thực hiện trách nhiệm theo đúng thoả

 thuận giữa các bên tham gia là vi phạm

A. hành chính. B. hình sự. C. dân sự. D. kỉ luật.

Câu 24. Khi vi phạm, chủ thể vi phạm sẽ bị khiển trách, cảnh cáo, chuyển công tác khác, cách chức,

hạ bậc lương hoặc đuổi việc là vi phạm

A. hành chính. B. hình sự. C. dân sự. D. kỉ luật.

Câu 25. Trường hợp nào sau đây là vi phạm hình sự?

A. Tội giết người, tội cố ý gây thương tích. B. Bên mua không trả tiền đầy đủ cho bên bán.

C. Vi phạm nghiêm trọng kỉ luật lao động. D. Bên mua không trả tiền đúng hạn cho bên bán.

Câu 26. Trường hợp nào sau đây là vi phạm hình sự?

A. Đi xe máy chở 3 người. B. Đánh người gây thương tích 12%.

C. Công chức vi phạm thời giờ làm việc. D. Đi xe vào đường một chiều.

Câu 27. Trường hợp nào sau đây là vi phạm kỉ luật?

A. Công chức đi làm trễ giờ. B. Sản xuất hàng giả

C. Chạy xe vượt đèn đỏ. D. Tội lây HIV cho người khác

Câu 28. Trong các hành vi sau đây, hành vi nào thuộc loại vi phạm hành chính?

A. Lợi dụng chức vụ chiếm đoạt số tiền lớn của nhà nước.

B. Buôn bán hàng hóa lấn chiếm lề đường.

C. Phóng nhanh, vượt ẩu gây tai nạn chết người.

D. Học sinh nghỉ học quá 45 ngày trong một năm học.

Câu 29. Anh B săn bắt động vật quý hiếm. Trong trường hợp này, anh B đã không

A. sử dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. áp dụng pháp luật. D. tuân thủ pháp luật.

Câu 30. Ông A là người có thu nhập cao, hằng năm ông A chủ động đến cơ quan thuế để nộp thuế thu

nhập cá nhân. Trong trường hợp này, ông A đã

A. sử dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. áp dụng pháp luật. D. tuân thủ pháp luật.

Câu 31. Trong lúc kiểm tra, A cho B nhìn bài của mình. Vậy cả A và B không thực hiện hình thức thực

 hiện pháp luật nào?

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật.D. Áp dụng pháp luật.

Câu 32. A 15 tuổi nhưng không sử dụng xe có dung tích xi lanh 50cm3. Vậy A đã thực hiện đúng hình

 thức thực hiện pháp luật nào?

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân hành pháp luật.D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 33. Chị C không đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy trên đường. Trong trường hợp này, chị C đã không

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 34. Hiệu trưởng trường THPT X ra quyết định kỉ luật học sinh A. Vậy hiệu trưởng đang

A. sử dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. tuân thủ pháp luật. D. áp dụng pháp luật.

Câu 35. Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm 150.000 đồng. Trong trường

 hợp này, cảnh sát giao thông đã

A. sử dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. tuân thủ pháp luật. D. áp dụng pháp luật.

**BÀI 3: CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT.**

Câu 1. Bất kì công dân nào nếu có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều được hưởng các

quyền công dân là

A. công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ B. công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

C. công dân bình đẳng về kinh tế. D. công dân bình đẳng về chính trị.

Câu 2. Công dân dù làm việc gì, khi vi phạm pháp luật đều bị xử lí theo quy định là

A. công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ . B. công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

C. công dân bình đẳng về kinh tế. D. công dân bình đẳng về chính trị.

Câu 3. Mọi công dân, nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau

 đều không bị phân biệt đối xử trong hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ của mình là

A. bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. B. bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

C. bình đẳng về kinh tế. D. bình đẳng về chính trị.

Câu 4. Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi

A. dân tộc, giới tính, tôn giáo. B. thu nhập, tuổi tác, địa vị.

C. dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo. D. dân tộc, độ tuổi, giới tính.

Câu 5. Trong cùng một điều kiện như nhau, nhưng mức độ sử dụng quyền và nghĩa vụ của công dân

 phụ thuộc vào

A. khả năng và hoàn cảnh, trách nhiệm của mỗi người. B. năng lực, điều kiện, nhu cầu của mỗi người.

C. khả năng, điều kiện, hoàn cảnh mỗi người. D. điều kiện, khả năng, ý thức của mỗi người.

Câu 6. Công dân bình đẳng trước pháp luật là

A. công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.

B. công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.

C. công dân nào vi phạm pháp luật chỉ bị xử lí trong cơ quan mà họ tham gia.

D. công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ.

Câu 7. Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều bị xử lí theo quy định của pháp luật là thể hiện

công dân bình đẳng

A. về quyền và nghĩa vụ. B. về trách nhiệm pháp lí.

C. về thực hiện pháp luật. D. về trách nhiệm trước tòa án.

Câu 8. Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ vi phạm như nhau, trong một

hoàn cảnh như nhau thì đều phải chịu trách nhiệm pháp lí

A. như nhau. B. ngang nhau. C. bằng nhau. D. có thể khác nhau.

Câu 9. Học tập là một trong những

A. nghĩa vụ của công dân. B. quyền và nghĩa vụ của công dân.

C. trách nhiệm của công dân. D. quyền và nghĩa vụ của công dân.

Câu 10. Tham gia quản lí Nhà nước và xã hội là một trong những

A. nghĩa vụ của công dân. B. quyền của công dân.

C. trách nhiệm của công dân. D. quyền và nghĩa vụ của công dân.

Câu 11. Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định bảo vệ Tổ quốc là

A. nghĩa vụ của công dân. B. quyền của công dân.

C. trách nhiệm của công dân. D. quyền và nghĩa vụ của công dân.

Câu 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân do

A. Hiến pháp quy định. B. Luật quy định.

C. Luật công dân quy định. D. Hiến pháp và luật quy định.

Câu 13. Công ty xuất nhập khẩu thủy hải sản X luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công ty X đã thực hiện

A. nghĩa vụ của công dân. B. quyền của công dân.

C. bổn phận của công dân. D. quyền, nghĩa vụ của công dân.

Câu 14. Biểu hiện nào dưới đây không thể hiệnbình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân?

A. Trong lớp học có bạn được miễn học phí, các bạn khác thì không.

B. Trong thời bình các bạn nam đủ tuổi phải đăng kí nghĩa vụ quân sự, còn các bạn nữ thì không.

C. T và Y đều đủ tiêu chuẩn vào công ty X nhưng chỉ Y được nhận vào làm vì có người thân

là giám đốc công ty.

D. A đủ điểm trúng tuyển vào đại học vì được hưởng cộng điểm ưu tiên.

Câu 15. Vụ án Phạm Công Danh và đồng bọn tham nhũng 9.000 tỉ đồng của nhà nước đã bị xét xử.

 Điều này thể hiện

A. công dân đều bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.B. công dân đều bình đằng về quyền và nghĩa vụ.

C. công dân đều có nghĩa vụ như nhau. D. công dân đều bị xử lí như nhau.

**Bài 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG**

 **MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

Câu 1. Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú là bình đẳng

A. trong quan hệ nhân thân. B. trong quan hệ tài sản.

C. trong quan hệ việc làm. D. trong quan hệ nhà ở.

Câu 2. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình dựa trên cơ sở nguyên tắc nào sau đây?

A. Dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

B. Tự do, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

C. Công bằng, lắng nghe, kính trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

D. Chia sẻ, đồng thuận, quan tâm lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

Câu 3. Bình đẳng giữa vợ và chồng được thể hiện trong mối quan hệ nào?

A. Tài sản và sở hữu. B. Nhân thân và tài sản. C. Dân sự và xã hội. D. Nhân thân và lao động.

.Câu 4. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa

A. vợ và chồng, ông bà và các cháu. B. vợ, chồng và giữa các thành viên trong gia đình.

C. cha mẹ và các con. D. vợ và chồng, anh, chị, em trong gia đình với nhau.

Câu 5. Bình đẳng trong thực hiện quyền lao động được thể hiện thông qua

A. tìm việc làm. B. kí hợp đồng lao động.

C. sử dụng lao động. D. thực hiện nghĩa vụ lao động.

Câu 6. Bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động được thể hiện qua

A. thỏa thuận lao động. B. hợp đồng lao động. C. việc sử dụng lao động. D. quyền được lao động.

Câu 7. Việc giao kết hợp đồng lao động được tuân theo nguyên tắc nào sau đây?

A. Tự do, tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.

B. Tự do, dân chủ, bình đẳng, không trái pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.

C. Tự do, tự nguyện, công bằng, không trái pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.

D. Tự do, chủ động, bình đẳng, không trái pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.

Câu 8. Để được kí hợp đồng lao động thì người lao động phải đủ bao nhiêu tuổi trở lên?

A. 15. B. 16. C. 17. D. 18.

Câu 9. Bình đẳng trong quan hệ giữa vợ và chồng về tài sản được hiểu là vợ, chồng có quyền

A. sở hữu, sử dụng, mua bán tài sản. B. chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản.

C. chiếm hữu, phân chia tài sản. D. sử dụng, cho, mượn tài sản.

Câu 10. Bình bẳng trong quan hệ vợ chồng được thể hiện qua quan hệ nào sau đây?

A. Quan hệ vợ chồng với họ hàng nội, ngoại. B. Quan hệ gia đình và quan hệ xã hội.

C. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản. D. Quan hệ hôn nhân và quan hệ quyết thống.

Câu 11. Vợ chồng tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau thể hiện quyền bình đẳng trong quan hệ

A. nhân thân. B. gia đình. C. tình cảm. D. xã hội.

Câu 12. Trong nội dung bình đẳng giữa cha mẹ và con, cha mẹ có nghĩa vụ

A. không phân biệt đối xử giữa các con. B. yêu thương con trai hơn con gái.

C. chăm lo cho con khi chưa thành niên. D. nghe theo mọi ý kiến của con.

Câu 13. Theo luật Hôn nhân và gia đình thì con có thể tự quản lí tài sản riêng của mình hoặc

 nhờ cha mẹ quản lí khi đủ bao nhiêu trở lên?

A. 15 tuổi. B. 16 tuổi. C. 17 tuổi. D. 18 tuổi.

Câu 14. Theo luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng,

vợ chồng bình đẳng là

A. nguyên tắc. B. nguyên lí. C. quy định. D. trách nhiệm.

Câu 15. Nội dung nào dưới đây không thể hiện quyền bình đẳng trong lao động?

A. Bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động. B. Bình đẳng trong thực hiện hợp đồng lao động.

C. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ. D. Bình đẳng trong tự chủ đăng kí kinh doanh.

Câu 16. Nội dung nào dưới đây không thể hiện quyền bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ?

A. Không phân biệt điều kiện làm việc. B. Được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc.

C. Có cơ hội tiếp cận việc làm như nhau. D. Có tiêu chuẩn và độ tuổi tuyển dụng như nhau.

Câu 17. Bình đẳng trong thực hiện quyền lao động nghĩa là mọi người đều

A. có quyền tự do sử dụng sức lao động trong việc tìm kiếm việc làm.

B. có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp.

C. có quyền làm việc cho bất cứ người nào mình thích.

D. có quyền làm việc ở bất cứ nơi đâu mình muốn.

Câu 18. Chủ thể của hợp đồng lao động là

A. người lao động và đại diện của người lao động.

B. người lao động và người sử dụng lao động.

C. đại diện của người lao động và người sử dụng lao động.

D. người lao động và đại diện của người sử dụng lao động.

Câu 19. Đối với lao động nữ, người sử dụng lao động chỉ có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng

lao động khi họ

A. kết hôn. B. nghỉ việc không có lí do.

C. nuôi con dưới 12 tháng tuổi. D. có thai.

Câu 20. Văn bản luật có tính pháp lí cao nhất khẳng định quyền bình đẳng của công dân trong lao động là

A. Hiến pháp. B. Luật lao động. C. Luật dân sự . D. Luật doanh nghiệp.

Câu 21. Bình đẳng trong kinh doanh không được thể hiện ở nội dung nào sau đây?

A. Lựa chọn ngành, nghề, địa điểm kinh doanh. B. Lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.

C. Thực hiện quyền và nghĩa vụ trong kinh doanh. D. Tìm mọi cách để thu lợi trong kinh doanh.

Câu 22. Nội dung nào sau đây không phải là quyền bình đẳng trong kinh doanh?

A. Quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.

B. Quyền tự chủ đăng kí kinh doanh theo quy định pháp luật.

C. Quyền chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề.

D. Quyền tự do lựa chọn, tìm kiếm việc làm.

Câu 23. Sau khi kết hôn, anh A buộc vợ mình phải nghỉ việc để chăm sóc gia đình. Vậy

anh A đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ

A. nhân thân. B. việc làm. C. tài sản riêng. D. tình cảm.

Câu 24. Trong thời kì hôn nhân, ông A và bà B có mua một căn nhà. Khi li hôn, ông A tự ý bán

 căn nhà đó mà không hỏi ý kiến vợ. Việc làm đó của ông B đã vi phạm quan hệ

A. sở hữu. B. nhân thân. C. tài sản. D. hôn nhân.

Câu 25. Anh A là giám đốc một công ty tư nhân, do nghĩ xe ô tô là do mình mua nên tự mình có quyền bán xe. Trong trường hợp này anh A đã vi phạm nội dung nào về quan hệ tài sản giữa vợ và chồng?

A. Định đoạt tài sản. B. Sở hữu tài sản chung. C. Chiếm hữu tài sản. D. Khai tác tài sản.

Câu 26. Do phải chuyển công tác nên anh H đã bắt vợ mình phải chuyển gia đình đến ở gần nơi

công tác mới của mình. Anh H đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng về

A. tôn trọng, giữ gìn danh dự của nhau. B. lựa chọn nơi cư trú.

C. tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt. D. sở hữu tài sản chung.

Câu 27. Để giao kết hợp đồng lao động, anh K cần căn cứ vào nguyên tắc nào dưới đây?

A. Tự giác, trách nhiệm, công bằng. B. Công bằng, dân chủ, tiến bộ.

C. Tự do, tự nguyện, bình đẳng. D. Tự do, bình đẳng, tích cực.

Câu 28. Sau thời gian nghỉ thai sản, chị B đến công ty làm việc thì nhận được quyết định chấm dứt

hợp đồng lao động của giám đốc công ty. Trong trường hợp này, giám đốc công ty đã

A. vi phạm giao kết hợp đồng lao động.

B. vi phạm quyền bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.

C. vi phạm quyền bình đẳng trong tự do sử dụng sức lao động.

D. vi phạm quyền tự do lựa chọn việc làm.

Câu 29. Hiện nay, một số doanh nghiệp không tuyển nhân viên nữ, vì cho rằng lao động nữ được hưởng

chế độ thai sản. Các doanh nghiệp này đã vi phạm nội dung nào dưới đây?

A. Bình đẳng trong tuyển chọn người lao động. B. Bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.

C. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ. D. Bình đẳng trong sử dụng lao động.

Câu 30. Công ty Q kinh doanh thêm cả bánh kẹo, trong khi giấy phép kinh doanh là quần áo trẻ em.

Công ty Q đã vi phạm nội dung nào dưới đây theo quy định của pháp luật?

A. Tự chủ kinh doanh. B. Chủ động lựa chọn ngành, nghề kinh doanh.

C. Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng kí. D. Mở rộng thị trường, quy mô kinh doanh.

**Bài 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG**

**GIỮA CÁC DÂN TỘC - TÔN GIÁO**

Câu 1. Các dân tộc trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ văn hoá, không phân biệt chủng tộc, màu da… đều được NN và PL tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Bình đẳng về văn hóa. B. Bình đẳng về giáo dục.

C. Bình đẳng về ngôn ngữ. D. Bình đẳng giữa các dân tộc.

Câu 2. Công dân được tham gia vào quản lí nhà nước và xã hội, tham gia bộ máy nhà nước, thảo luận

góp ý các vấn đề chung của đất nước là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. B. văn hóa. C. chính trị. D. xã hội.

Câu 3. Nhà nước luôn quan tâm đầu tư phát triển kinh tế đối với tất cả các vùng, đặc biệt ở vùng sâu,

vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. B. văn hóa. C. chính trị. D. xã hội.

Câu 4. Các dân tộc được bình đẳng hưởng thụ một nền giáo dục, tạo điều kiện để các dân tộc khác nhau đều được bình đẳng về cơ hội học tập là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. B. văn hóa. C. chính trị. D. giáo dục.

Câu 5. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, văn hoá tốt đẹp, văn hoá

 các dân tộc được bảo tồn và phát huy là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. B. văn hóa. C. chính trị. D. phong tục.

Câu 6. Số lượng các dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay là

A. 54 B. 55 C. 56 D. 57

Câu 7. Dân tộc được hiểu theo nghĩa, là

A. một bộ phận dân cư của quốc gia. B. một đất nước.

C. một dân tộc ít người. B. một cộng đồng có chung lãnh thổ.

Câu 8. Hình thức tín ngưỡng có tổ chức với những quan niệm giáo lí thể hiện sự tín ngưỡng và

các hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái tín ngưỡng ấy là

A. tôn giáo. B. tín ngưỡng. C. cơ sở tôn giáo. D. hoạt động tôn giáo.

Câu 9. Chùa, nhà thờ, thánh đường, thánh thất được gọi chung là

A. Các cơ sở vui chơi. B. Các cơ sở họp hành tôn giáo.

C. Các cơ sở truyền đạo. D. Các cơ sở tôn giáo.

Câu 10. Niềm tin tuyệt đối, không chứng minh vào sự tồn tại thực tế của những bản chất siêu nhiên

 như thánh thần, chúa trời là

A. tôn giáo. B. tín ngưỡng. C. cơ sở tôn giáo. D. hoạt động tôn giáo.

Câu 11. Nội dung quyền bình đẳng về văn hoá giữa các dân tộc là các dân tộc có quyền

A. dùng tiếng nói, chữ viết, bảo tồn và phát huy các truyền thống văn hoá tốt đẹp của mình.

B. tự do ngôn ngữ, chữ viết, tiếng nói trong quá trình phát triển văn hoá của mình.

C. dùng tiếng địa phương, lưu giữ các giá trị, truyền thống văn hoá của mình.

D. dùng tiếng phổ thông và giữ gìn các tập quán, hủ tục lạc hậu của mình.

Câu 12. Đâu là nhận định không đúng về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo?

A. Các cơ sở tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ.

B. Các tôn giáo được nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật.

C. Các hoạt động tôn giáo được tự do hoạt động theo giáo lí của mình.

D. Các tôn giáo có quyền hoạt động theo pháp luật.

Câu 13. Hành vi nào sau đây thể hiện tín ngưỡng?

A. Thắp hương trước lúc đi xa. B. Yếm bùa.

C. Không ăn trứng trước khi đi thi. D. Xem bói.

Câu 14. Khẩu hiệu nào sau đây phản ánh không đúng trách nhiệm của công dân có tín ngưỡng,

 tôn giáo đối với đạo pháp và đất nước

A. Buôn thần bán thánh. B. Tốt đời đẹp đạo.

C. Kính chúa yêu nước. D. Đạo pháp dân tộc.

Câu 15. Để thể hiện sự bình đẳng giữa các tôn giáo, giữa công dân có hoặc không có tôn giáo

và giữa công dân của các tôn giáo khác nhau phải có thái độ gì với nhau ?

A. Tôn trọng. B. Độc lập. C. Công kích. D. Ngang hàng.

Câu 16. Huyện X tại tỉnh Y là vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, khó khăn sinh sống đã được nhà nước

 có chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội. Chính sách này thể hiện quyền bình đẳng nào sau đây?

A. Bình đẳng giữa các vùng miền. B. Bình đẳng giữa các tôn giáo.

C. Bình đẳng giữa các dân tộc. D. Bình đẳng giữa các công dân.

Câu 17. N là người dân tộc thiểu số được cộng 1.5 điểm ưu tiên trong xét tuyển vào đại học. Điều này

 thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. B. chính trị. C. văn hóa, giáo dục. D. xã hội.

Câu 18. Ông A là người dân tộc thiểu số, ông B là người Kinh. Đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội,

cả hai ông đều đi bầu cử. Điều này thể hiện các dân tộc bình đẳng trong lĩnh vực nào?

A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Văn hóa. D. Giáo dục.

Câu 19. Chị N và anh M thưa chuyện với hai gia đình để được kết hôn với nhau, nhưng bố chị N là

ông K không đồng ý và đã cản trở hai người vì chị N theo đạo Thiên Chúa, còn anh M lại theo đạo Phật. Hành vi của ông K biểu hiện của

A. lạm dụng quyền hạn. B. không thiện chí với tôn giáo.

C. phân biệt, đối xử vì lí do tôn giáo. D. tôn trọng quyền tự do cá nhân.

Câu 20. A và B chơi thân với nhau nhưng mẹ của A kịch liệt ngăn cản A vì B có theo tôn giáo. Hành vi

của mẹ A xâm phạm quyền bình đẳng giữa

A. các địa phương. B. các tôn giáo. C. các giáo hội. D. các gia đình.

**BÀI 6: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN**

Câu 1. Dù cố ý hay vô ý, việc xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác là

A. vi phạm pháp luật. B. không vi phạm. C. điều bình thường. D. việc được phép.

Câu 2. Người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử là

A. bị hại. B. bị cáo. C. bị can. D. bị kết án.

Câu 3. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là nhằm

A. ngăn chặn hành vi tùy tiện bắt giữ người trái với quy định của pháp luật.

B. bảo vệ sức khỏe cho công dân theo quy định của pháp luật.

C. ngăn chặn hành vi vô cớ đánh người giữa công dân với nhau.

D. bảo vệ về mặt tinh thần, danh dự, nhân phẩm của mỗi công dân.

Câu 4. Trong trường hợp nào dưới đây thì bất kì ai cũng có quyền được bắt người?

A. Đang chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội. B. Đang phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

C. Có dấu hiệu thực hiện hành vi phạm tội. D. Bị nghi ngờ phạm tội.

Câu 5. Các quyền tự do cơ bản của công dân là các quyền được ghi nhận trong Hiến pháp và luật,

quy định mối quan hệ giữa công dân với

A. công dân. B. nhà nước . C. pháp luật. D. tòa án.

Câu 6. Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Việc bắt giữ người phải đeo đúng quy định của

A. pháp luật. B. địa phương. C. công an. D. tòa án.

Câu 7. Quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khoẻ được bảo vệ nhân phẩm và danh dự là quyền

A. bất khả xâm phạm về thân thể. B. tự do ngôn luận.

C. bất khả xâm phạm về chỗ ở. D. bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

Câu 8. Ở nước ta, danh dự và nhân phẩm của cá nhân được tôn trọng và

A. bảo vệ. B. khuyến khích. C. độc lập. D. tự do.

Câu 9. Để bắt người đúng pháp luật, ngoài thẩm quyền cần tuân thủ quy định nào khác của pháp luật?

A. Đúng công đoạn. B. Đúng giai đoạn. C. Đúng trình tự, thủ tục. D. Đúng thời điểm.

Câu 10. Tính mạng và sức khoẻ của con người được bảo đảm an toàn, không ai có quyền xâm phạm

 tới là nội dung của quyền

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân. B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.

C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân. D. tự do về thân thể của công dân.

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**ĐỀ MINH HỌA | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2020 - 2021****Môn thi: Giáo dục công dân - Lớp 12***Thời gian làm bài*: *45 phút**không tính thời gian phát đề* |

*Họ và tên học sinh:…………………………………... Mã số học sinh:………………………….*

**PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**: Phương án nào dưới đây, đúng với nội dung đã học: Pháp luật do Nhà nước xây dựng, ban hành và

 **A**. bảo đảm thực hiện. **B**. tuyệt đối bảo mật.

 **C**. đảm bảo lưu hành. **D**. đảm bảo chính xác.

**Câu 2**: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và luôn được bảo đảm thực hiện bằng

 **A**. quyền lực Nhà nước. **B**. quyền lực của tổ chức chính trị.

**C**. sức mạnh của nhân dân. **D**. nền tảng đạo đức

**Câu 3**: Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình để thực hiện mọi hành vi nào sau đây?

 **A**. Được pháp luật cho phép. **B.** Bị người khác ép buộc.

 **C**. Đề cao quyền lực riêng. **D**. Mang tính chất cưỡng chế.

**Câu 4**: Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện xâm hại các quan hệ xã hội nào sau đây?

 **A**. Được pháp luật bảo vệ. **B**. Đã trở nên lỗi thời.

 **C**. Cần phải được loại bỏ. **D**. Cản trở sự công bằng.

**Câu 5:** Hành vi vi phạm các quan hệ lao động, công vụ Nhà nước do pháp luật lao động và pháp luật hành chính bảo vệ là nội dung khái niệm nào sau đây?

 **A**. Vi phạm kỷ luật. **B**. Lũng đoạn thị trường.

 **C**. Gây rối trật tự. **D**. Kích động bạo lực.

**Câu 6**: Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình là nội dung khái niệm nào sau đây?

 **A**. Trách nhiệm pháp lí. **B**. Phòng chống tội phạm.

 **C**. Phong tỏa xã hội. **D**. Tình trạng khẩn cấp.

**Câu 7** : Bình đẳng trước pháp luật là mọi công dân đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và

 **A**. chịu trách nhiệm pháp lí. **B**. chiếm hữu tài nguyên thiên nhiên.

 **C**. chia đều tài sản công cộng. **D**. san bằng nguồn quỹ bảo trợ.

**Câu 8:** Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí là bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều phải bị xử lí theo

 **A**. quy định của pháp luật. **B**. nghi lễ của địa phương.

 **C**. tín ngưỡng của vùng miền. **D**. niềm tin của tôn giáo.

**Câu 9**: Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình nghĩa là vợ chồng cần phải thực hiện hành vi nào sau đây?

 **A**. Tôn trọng lẫn nhau. **B**. Từ bỏ tài sản chung.

 **C**. San bằng mọi thu nhập. **D**. Hạn chế giao tiếp.

**Câu 10:** Trong quan hệ lao động cụ thể, quyền bình đẳng của công dân được thực hiện thông qua văn bản nào sau đây?

 **A**. Hợp đồng lao động. **B**. Hồ sơ tín dụng.

 **C**. Văn bằng chứng chỉ. **D**. Lí lịch trích ngang.

**Câu 11**. Một trong những nội dung về bình đẳng trong thực hiện quyền lao động là mọi người đều có quyền lựa chọn

 **A.** việc làm và được trả công theo ý muốn của bản thân.

  **B.** việc làm phù hợp với khả năng của mình mà không bị phân biệt đối xử.

 **C.** điều kiện làm việc và hưởng các chế độ ưu đãi theo nhu cầu của mình.

 **D.** việc làm và thời gian làm việc theo ý muốn của người lao động.

**Câu 12:** Nội dung nào dưới đây ***không thể hiện*** quyền bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ?

**A.** Không phân biệt điều kiện làm việc.

**B.** Được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc.

**C.** Có cơ hội tiếp cận việc làm như nhau.

**D.** Có tiêu chuẩn và độ tuổi tuyển dụng như nhau.

**Câu 13**: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là mọi dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật

 **A**. tạo điều kiện phát triển. **B**. chia đều tài sản chung.

 **C**. miễn phí mọi dịch vụ. **D.** duyệt hồ sơ vay vốn.

**Câu 14**: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ tạo điều kiện phát triển là nội dung khái niệm nào sau đây?

 **A**. Bình đẳng giữa các dân tộc. **B.** Phân chia địa giới hành chính.

 **C**. Xác lập vị trí độc quyền. **D**. Chia đều tài sản công cộng.

**Câu 15**: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là pháp luật luôn bảo hộ tất cả

 **A**. nơi thờ tự tín ngưỡng. **B**. mọi nguồn thu nhập.

 **C**. nghi lễ vùng miền. **D**. hệ tư tưởng cực đoan.

**Câu 16:** Các tôn giáo ở Việt Nam đều được tự do hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước và pháp luật

 **A**. đối xử bình đẳng. **B**. chia đều quyền lực.

 **C**. trợ cấp định kỳ. **D**. san bằng lợi nhuận.

**Câu 17**: Pháp luật **không** thể hiện đặc trưng cơ bản nào sau đây?

 **A**. Phân biệt vùng miền. **B.** Quy phạm phổ biến.

 **C**. Quyền lực, bắt buộc chung. **D.** Xác định chặt chẽ về hình thức.

**Câu 18**: Khi đã trở thành nội dung của quy phạm pháp luật, giá trị đạo đức được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng phương tiện nào sau đây?

 **A**. Quyền lực nhà nước. **B**. Quyền lực của tổ chức chính trị.

 **C**. Quyền lực xã hội. **D**. Năng lực cá nhân.

**Câu 19**: Một trong những dấu hiệu của vi phạm pháp luật là người vi phạm phải có năng lực nào sau đây?

 **A**. Trách nhiệm pháp lí. **B**. Tiếp nhận bảo trợ.

 **C**. Tài chính vững mạnh. **D**. Hình thành nhân cách.

**Câu 20**: Việc áp dụng trách nhiệm pháp lí nhằm một trong những mục đích nào sau đây?

 **A**. Kiềm chế những việc làm trái pháp luật. **B**. Triệt tiêu tất cả các tệ nạn xã hội.

 **C**. Chia đều mọi của cải trong xã hội. **D**. Xóa bỏ hoàn toàn tình trạng thất nghiệp.

**Câu 21**: Buộc các chủ thể vi phạm pháp luật phải chấm dứt hành vi trái pháp luật của mình là một trong những

 **A**. mục đích của trách nhiệm pháp lí. **B**. điều kiện để xóa bỏ nhân quyền.

 **C**. nghi thức khi hoạt động tôn giáo. **D**. biện pháp để san bằng lợi ích

**Câu 22:** Việc xử lí người chưa thành niên phạm tội luôn được áp dụng theo nguyên tắc nào sau đây?

 **A**. Giáo dục là chủ yếu. **B.** Khống chế bằng vũ lực.

 **C**. Cách ly với cộng đồng. **D**. Bảo mật nơi giam giữ.

**Câu 23:** Nội dung nào sau đây **không** thể hiện bình đẳng trong hôn nhân và gia đình giữa vợ chồng?

 **A**. Phản bác hôn nhân tiến bộ. **B**. Cùng lựa chọn nơi cư trú.

 **C**. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. **D**. Giúp đỡ nhau về mọi mặt.

**Câu 24**: Theo quy định của pháp luật việc giao kết hợp đồng lao động **không** được thực hiện theo nguyên tắc nào sau đây?

 **A**. Cưỡng chế. **B**. Tự nguyện.

 **C**. Bình đẳng. **D**. Trực tiếp.

**Câu 25:** Nội dung nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng trong kinh doanh của công dân?

 **A**. Tự chủ đăng ký kinh doanh. **B**. Ấn định mức thuế thu nhập.

 **B**. Chia đều của cải xã hội. **D**. Nghiêm cấm khiếu nại, tố cáo,

**Câu 26**: Bình đẳng trong kinh doanh có nghĩa là mọi doanh nghiệp đều phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

 **A**. Kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký. **B**. Chủ động mở rộng thị trường.

 **C**. Lắp đặt hệ thống giám sát tự động. **D**. Sử dụng lao động nhập cư.

**Câu 27**: Theo quy định của pháp luật, tất cả các cơ sở tôn giáo hợp pháp đều được hưởng quyền nào sau đây?

 **A**. Được pháp luật bảo hộ. **B**. Chia đều quyền lực.

 **C. B**ảo mật tuyệt đối. **D**. Sùng bái địa vị riêng.

**Câu 28:**Theo quy định của pháp luật các dân tộc ở Việt Nam đều được

 **A**. bình đẳng về chính trị. **B**. hưởng phụ cấp khu vực.

 **C**. miễn phí mọi loại hình dịch vụ. **D**. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng.

**PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1:(2,0 điểm).**

Chị H là người dân tộc thiểu số được xét tuyển vào trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh. Tốt nghiệp Trung học phổ thông, cộng thêm điểm ưu tiên, chị trúng tuyển vào một trường Đại học. Sau khi tốt nghiệp, trở về quê hương, chị H đã tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn phát triển kinh tế. Chị còn cùng đoàn thanh niên phục dựng lại nhiều trò chơi dân gian của dân tộc mình. Trong kỳ bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, chị H đã trúng cử vào Hội đồng nhân dân huyện.

**a**. Việc chị H được hưởng các chế độ ưu tiên về học tập, có trái với nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc không? Vì sao?

**b**. Em hãy chỉ ra những chi tiết chị H đã được thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

**Câu 2**: **(1,0 điểm).**

**Câu 2**: Ông M giám đốc một tập đoàn đa quốc gia và chị B một người buôn bán nhỏ cùng vô tình tiếp xúc với một bệnh nhân nhiễm COVID 19. Sau đó, tại một điểm cách ly y tế tập trung, ông M và chị B cùng được cung cấp miễn phí các nhu yếu phẩm cần thiết. Liên tục trong hai tuần lễ, hằng ngày ông M và chị B đều thực hiện việc đo thân nhiệt và chăm sóc sức khỏe theo đúng hướng dẫn của nhân viên y tế.

Nêu rõ sự bình đẳng về quyền công dân giữa ông M và chị B?

**------------- HẾT ----------**

**ĐỀ 2**

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1:** Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng

**A.** quyền lực nhà nước. **B.** ý chí nhân dân.

**C.** thế lực chính trị. **D.** sức ép chính quyền.

**Câu 2:** Tất cả mọi cá nhân, tổ chức ai cũng phải xử sự theo pháp luật. Điều đó thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính công khai. **B.** Tính dân chủ.

**C.** Tính quyền lực, bắt buộc chung. **D.** Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 3:** Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì pháp luật cho phép làm là

**A.** tuân thủ pháp luật. **B.** sử dụng pháp luật. **C.** thi hành pháp luật. **D.** áp dụng pháp luật.

**Câu 4:** Cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào quy định của pháp luật để đưa ra quyết định phát sinh chấm dứt hoặc thay đổi các quyền nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức là

**A.** thi hành pháp luật. **B.** sử dụng pháp luật. **C.** áp dụng pháp luật. **D.** tuân thủ pháp luật.

**Câu 5:** Những hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, vi phạm đến các quy tắc quản lý của nhà nước là gì?

**A.** Vi phạm kỷ luật.

**B.** Vi phạm hành chính.

**C.** Vi phạm dân sự.

**D.** Vi phạm hình sự.

**Câu 6:** Vi phạm dân sự là những hành vi xâm phạm tới các

**A.** quan hệ tài sản và quan hệ gia đình. **B.** quan hệ sở hữu và quan hệ gia đình.

**C.** quan hệ kinh tế và quan hệ tình cảm. **D.** quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

**Câu 7:** Theo quy định của pháp luật, bình đẳng về trách nhiệm pháp lí có nghĩa là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều

**A.** được giảm nhẹ hình phạt. **B.** được đền bù thiệt hại.

**C.** bị xử lí nghiêm minh. **D.** bị tước quyền con người.

**Câu 8:** Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

**A.** bài trừ quyền tự do tín ngưỡng**.** **B.** che dấu hành vi bạo lực.

**C.** kế hoạch hóa gia đình. **D.** ngăn cản mọi nghi lễ tôn giáo.

**Câu 9:** Theo quy định của pháp luật, để giao kết hợp đồng lao động các bên cần phải tuân thủ vào nguyên tắc nào?

**A.** Tự do, tự nguyện, bình đẳng. **B.** Dân chủ, công bằng, văn minh.

**C.** Tích cực, chủ động, hội nhập. **D.** Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm.

**Câu 10:** Công dân tự do sử dụng sức lao động của mình trong việc tìm kiếm, lựa chọn việc làm là thể hiện nội dung bình đẳng về

**A.** quyền tự do lao động. **B.** công bằng trong lao động.

**C.** hợp đồng lao động. **D.** thực hiện quyền lao động.

**Câu 11:** Mọi công dân khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp là nội dung quyền bình đẳng trong

**A.** tìm kiếm việc làm. **B.** tuyển dụng lao động.

**C.** lĩnh vực kinh doanh. **D.** đào tạo nhân lực.

**Câu 12:** Khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh trong những ngành nghề

**A.** phù hợp với nhu cầu **B.** do mình lựa chọn

**C.** pháp luật không cấm **D.** mình có sở thích

**Câu 13:** Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác, giao lưu giữa các dân tộc ở nước ta là các dân tộc phải được đảm bảo quyền

**A.** bình đẳng. **B.** tự do. **C.** và nghĩa vụ. **D.** phát triển.

**Câu 14:** Nhà nước có chính sách học bổng và ưu tiên con em đồng bào dân tộc thiểu số được tạo điều kiện nâng cao trình độ là góp phần thực quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

**A.** tự do tín ngưỡng. **B.** chính trị. **C.** kinh tế. **D.** văn hóa, giáo dục.

**Câu 15:** Các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước là thể hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực

**A.** chính trị. **B.** lao động. **C.** kinh tế. **D.** kinh doanh.

**Câu 16:** Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo

**A.** tín ngưỡng cá nhân. **B.** quan niệm đạo đức.

**C.** quy định của pháp luật. **D.** phong tục tập quán.

**Câu 17:** Việc làm nào dưới đây thể hiện vai trò quản lý xã hội của pháp luật

**A.** Xử phạt hành chính về thuế . **B.** Công bố quy hoạch đất đai.

**C.** Tiếp nhận đơn tố cáo. **D.** Niêm yết danh sách cử tri

**Câu 18:** Việc làm nào dưới đây thể hiện vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân

**A.** Thực hiện tố cáo nặc danh **B.** Xúc phạm nhằm hạ uy tín người khác.

**C.** Thông báo tuyển dụng nhân sự. **D.** Khiếu nại vì đền bù chưa thỏa đáng.

**Câu 19:** Công dân thi hành pháp luật khi

**A.** Độc lập lựa chọn ứng cử viên. **B.** Tổ chức nhập cảnh trái phép.

**C.** Khai báo y tế khi đi về từ vùng dịch. **D.** Tố cáo người nhập cảnh trái phép.

**Câu 20:** Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

**A.** Nghiên cứu tiểu sử ứng viên. **B.** Sàng lọc giới tính thai nhi.

**C.** Tham gia hoạt động tôn giáo. **D.** Bổ sung hồ sơ kinh doanh.

**Câu 21:** Theo quy định của pháp luật, người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện hành vi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự?

**A.** Tổ chức mua bán nội tạng người. **B.** Từ chối nhận tài sản thừa kế.

**C.** Hủy bỏ giao dịch dân sự. **D.** Từ chối trợ giúp pháp lý.

**Câu 22:** Theo quy định của pháp luật, người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện hành vi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hành chính?

**A.** Buôn bán động vật trong danh mục cấm. **B.** Bí mật giải cứu con tin.

**C.** Đề xuất người giám hộ bị can. **D.** Lấn chiếm hè phố để kinh doanh.

**Câu 23:** Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội?

**A.** Đăng ký tư vấn nghề nghiệp. **B.** Từ chối di sản thừa kế.

**C.** Tham gia bảo vệ Tổ quốc. **D.** Bảo trợ người vô gia cư.

**Câu 24:** Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và pháp luật?

**A.** Tự chuyển quyền nhân thân. **B.** Công khai gia phả dòng họ.

**C.** Nộp thuế theo luật định. **D.** Chia sẻ bí quyết gia truyền.

**Câu 25:** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào sau đây thể hiện công dân bình đẳng của trong việc hưởng quyền ?

**A.** dùng tiếng nói, chữ viết riêng. **B.** thực hiện chính sách tương trợ.

**C.** thay đổi cơ chế quản lí. **D.** tham gia quản lí xã hội.

**Câu 26:** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào sau đây thể hiện công dân bình đẳng của trong việc hưởng quyền ?

**A.** Hoàn thiện thủ tục nhận khoán rừng. **B.** Khai báo điều tra nhân khẩu.

**C.** Tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh. **D.** Lắp đặt hệ thống phần mềm quản lí.

**Câu 27:** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền các dân tộc bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục?

**A.** Xây dựng trường dân tộc nội trú. **B.** Thực hiện chế độ cử tuyển .

**C.** Tuyên truyền từ bỏ hủ tục. **D.** Hỗ trợ kinh phí học tập.

**Câu 28:** Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng trong trên lĩnh vực chính trị thể hiện ở việc các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều được

**A.** phát triển kinh tế du lịch cộng đồng. **B.** đóng góp ý kiến sửa đổi Hiến pháp.

**C.** bảo tồn trang phục dân tộc **.** **D.** tổ chức lễ hội truyền thống.

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 29.(2 điểm)** Gia đình bác Hoa mở cửa hàng kinh doanh mặt hàng điện tử. Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên việc kinh doanh bị đóng cửa dẫn đến thua lỗ. Mặc dù đã có quy định đóng cửa để phòng chống dịch, nhưng do hám lợi bác đã thuê nhân công bí mật gia công khẩu trang tế đã qua sử dụng để cung cấp ra thị trường

 a) Theo em, việc làm của bác Hoa là chưa thực hiện tốt hình thức thực hiện pháp luật nào. Vì sao?

 b) Trong cuộc sống hàng ngày, em đã thực hiện đúng quy định của pháp luật chưa? Nêu ví dụ cụ thể về hành vi thực hiện pháp luật của em.

**Câu 30. (1 điểm):** Tại sao người lao động và người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động? Thực hiện đúng nguyên tắc trong giao kết hợp đồng lao động đem lại quyền lợi gì cho người lao động và người sử dụng lao động?

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021**

**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Môn: Giáo dục công dân 12**

Thời gian làm bài: 45 phút *(không kể thời gian giao đề)*

**ĐỀ CHÍNH THỨC** *(Đề có 02 trang)*

*Học sinh làm bài bằng cách chọn và tô kín một ô tròn trên* ***Phiếu trả lời trắc nghiệm*** *tương ứng với phương án trả lời đúng của mỗi câu.*

*Họ và tên học sinh:.......................................................Lớp: ................................................*

**Mã đề: 825**

*Số báo danh: ...................Phòng số:............................Trường:* ……………………………

**Câu 1:** Văn bản pháp luật diễn đạt chính xác, một nghĩa để người dân bình thường đọc cũng hiểu được đúng và thực hiện chính xác là biểu hiện của đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính dân tộc sâu sắc. **B.** Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

**C.** Tính quyền lực bắt buộc chung. **D.** Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 2:** Người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý vi phạm dân sự khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

1. Buôn bán hàng hóa lấn chiếm vỉa hè.
2. Không thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm.
3. Thực hiện không đúng các quy định trong hợp đồng thuê nhà.
4. Cưa, tháo bom, mìn, đạn để lấy thuốc nổ trái phép.

**Câu 3:** Nội dung nào dưới đây thể hiện doanh nghiệp bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh?

**A.** Tự chủ đăng ký kinh doanh. **B.** Chủ động tìm kiếm thị trường.

**C.** Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. **D.** Lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.

**Câu 4:** Pháp luật được áp dụng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính xác định chặt chẽ về nội dung. **B.** Tính quy phạm phổ biến.

**C.** Tính quyền lực, bắt buộc chung. **D.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

**Câu 5:** Một trong những nguyên tắc cơ bản trong giao kết hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động là

**A.** dân chủ. **B.** trực tiếp. **C.** tự giác. **D.** ủy quyền.

**Câu 6:** Chị H bị chồng là anh G và mẹ chồng là bà T gây sức ép phải nghỉ học lớp liên thông lên Đại học. Bức xúc, chị H đã bán ngôi nhà mà chị được thừa kế trước khi kết hôn và có ý định xuất khẩu lao động sang Nhật Bản. Biết chuyện, bà Y-mẹ chị H đã cùng con gái là chị M sang nhà bà T làm rõ sự việc. Trong lúc nói chuyện, bà Y đã mắng chửi, xúc phạm hai mẹ con bà T. Hành vi của những ai dưới đây vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

**A.** Anh G, bà T và chị H. **B.** Anh G, bà Y và bà T. **C.** Anh G, bà T và chị M. **D.** Bà Y, chị H và chị M.

**Câu 7:** Một trong những nguyên tắc cơ bản để đảm bảo quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là

**A.** tự nguyện. **B.** tự do. **C.** công khai. **D.** công bằng.

**Câu 8:** Ông N hợp tác với chị Q sản xuất số lượng lớn khẩu trang giả tương đương hai mươi triệu đồng hàng thật để bán ra thị trường. Biết được việc làm của vợ, anh S-chồng chị Q can ngăn và dọa sẽ tố cáo ông N. Để bảo vệ công việc làm ăn của chồng, bà H-vợ ông N đã thuê V và Y chặn đánh và gây thương tích nặng cho anh S. Những ai dưới đây vi phạm pháp luật hình sự?

**A.** Bà H, V và Y. **B.** Vợ chồng ông N và chị Q. **C.** V và Y. **D.** Bà H, chị Q và V.

**Câu 9:** Quyền xác định lại giới tính thuộc quan hệ nào dưới đây?

**A.** Hợp đồng. **B.** Tài sản. **C.** Sở hữu. **D.** Nhân thân.

**Câu 10:** Vi phạm kỉ luật là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm đến quan hệ lao động và

**A.** quy tắc quản lý nhà nước. **B.** quan hệ nhân thân. **C.** quan hệ tài sản. **D.** công vụ nhà nước.

**Câu 11:** Biểu hiện nào dưới đây **không** đúng với nội dung của quyền bình đẳng trong kinh doanh?

**A.** Kinh doanh mặt hàng không có trong giấy phép. **B.** Chủ động tìm kiếm khách hàng.

**C.** Nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật. **D.** Chủ động mở rộng quy mô ngành nghề.

**Câu 12:** Ông M là chủ cửa hàng tạp hóa. Ngày 01/11/2020, em H (16 tuổi) đến mua bia cho bố. Ông M không bán bia cho H. Hành vi của ông M thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

**A.** Sử dụng pháp luật. **B.** Thi hành pháp luật. **C.** Tuân thủ pháp luật. **D.** Áp dụng pháp luật.

**Câu 13:** Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình được gọi là

**A.** trách nhiệm pháp lý. **B.** tuân thủ pháp luật. **C.** vi phạm pháp luật. **D.** thực hiện pháp luật.

**Câu 14:** Bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật là mọi công dân đều phải

**A.** viết bài đăng báo. **B.** học tập suốt đời. **C.** vận động bầu cử. **D.** lao động công ích

**Câu 15:** Bác sĩ G là Giám đốc của Thẩm mỹ viện Z. Bác sĩ G tiến hành hút mỡ cho bệnh nhân K nhưng không đảm bảo các yêu cầu về chuyên môn khiến bệnh nhân bị biến chứng dẫn đến tử vong. Bác sĩ G bị tuyên án năm năm tù và buộc phải bồi thường cho gia đình nạn nhân. Hành vi của bác sĩ G phải chịu trách nhiệm pháp lý nào dưới đây?

**A.** Hình sự và dân sự. **B.** Kỉ luật và hình sự. **C.** Hành chính và dân sự. **D.** Hành chính và kỉ luật.

**Câu 16:** H và K (17 tuổi) không đội mũ bảo hiểm, điều khiển xe gắn máy chạy trên đường. Vì không quan sát nên H tông bà N đang bán hoa quả dưới lòng đường khiến bà bị xây xát nhẹ. Đến hiện trường, thấy mẹ mình bị tai nạn, anh Q liền xông vào đánh H bị thương nặng. Chị U-vợ anh Q đập vỡ đèn xe của H và K. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm hành chính?

**A.** H, chị U và anh Q. **B.** H, K và bà N. **C.** Bà N và anh Q. **D.** Anh Q và chị U.

**Câu 17:** Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật

**A.** quy định nên làm. **B.** quy định không được làm. **C.** quy định phải làm. **D.** cho phép làm.

**Câu 18:** Cán bộ, công chức nhà nước vi phạm kỉ luật **không** phải chịu trách nhiệm pháp lý nào dưới đây?

**A.** Hạ bậc lương. **B.** Khiển trách. **C.** Buộc thôi việc. **D.** Phạt tiền.

**Câu 19:** Mọi người đều có quyền lựa chọn việc làm mà không bị phân biệt đối xử là thể hiện nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong lao động?

**A.** Thực hiện quyền lao động. **B.** Giao kết hợp đồng lao động.

**C.** Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ. **D.** Lựa chọn ngành nghề kinh doanh.

**Câu 20:** Pháp luật mang bản chất giai cấp sâu sắc vì pháp luật do nhà nước đại diện cho giai cấp nào dưới đây ban hành?

**A.** cầm quyền. **B.** vô sản. **C.** bị trị. **D.** tư sản.

**Câu 21:** Trong quá trình xây dựng pháp luật, nhà nước luôn cố gắng đưa những quy phạm nào dưới đây có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội vào trong các quy phạm pháp luật?

**A.** Đạo đức. **B.** Tập quán. **C.** Xã hội. **D.** Tôn giáo.

**Câu 22:** Người sử dụng lao động **không** được sa thải hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ với lý do nào dưới đây?

**A.** Bỏ việc nhiều lần trong tháng mà không có lý do. **B.** Tiết lộ bí mật kinh doanh của công ty.

**C.** Nghỉ chế độ thai sản theo quy định của pháp luật. **D.** Có hành vi trộm cắp tài sản của công ty.

**Câu 23:** Người từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của nhà nước có thẩm quyền sẽ bị phạt tiền từ hai triệu đồng đến năm triệu đồng. Việc xử phạt này thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính răn đe, giáo dục. **B.** Tính quy phạm phổ biến.

**C.** Tính quyền lực, bắt buộc chung. **D.** Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

**Câu 24:** Từ năm 1999 đến nay, thương hiệu Highlands Coffee đã mở rộng từ 01 đến 300 cơ sở kinh doanh trên cả nước với sản phẩm chủ đạo là trà và cà phê. Việc mở ra nhiều cơ sở của Highlands Coffee thể hiện nội dung nào dưới đây của bình đẳng trong kinh doanh?

**A.** Cạnh tranh lành mạnh. **B.** Khuyến khích phát triển lâu dài.

**C.** Mở rộng quy mô kinh doanh. **D.** Tự chủ đăng ký kinh doanh.

**Câu 25:** Theo quy định của pháp luật, người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý vi phạm hình sự khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

**A.** Không đeo khẩu trang nơi công cộng. **B.** Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

**C.** Xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu kinh doanh. **D.** Trộm cắp tài sản có giá trị năm triệu đồng.

**Câu 26:** Vợ chồng tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau là thể hiện quyền đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nào dưới đây?

**A.** Nhân thân. **B.** Tài sản. **C.** Dân tộc. **D.** Tôn giáo.

**Câu 27:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của pháp luật đối với công dân?

**A.** Quy định bắt buộc thực hiện quyền. **B.** Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

**C.** Quy định trình tự thực hiện quyền. **D.** Xác lập quyền của công dân.

**Câu 28:** Công ty TNHH Z chuyên sản xuất các sản phẩm hải sản xuất khẩu. Trước khi đi vào hoạt động, Công ty Z đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn. Việc làm của Công ty Z thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

**A.** Sử dụng pháp luật. **B.** Thi hành pháp luật. **C.** Tuân thủ pháp luật. **D.** Áp dụng pháp luật.

**Câu 29:** Hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước được gọi là

**A.** Nghị định. **B.** pháp luật. **C.** đạo đức. **D.** phong tục.

**Câu 30:** Chị H xin phép Giám đốc K nghỉ làm việc một tuần để chăm sóc con (8 tháng tuổi) bị ốm nhập viện. Trong thời gian chị H tạm nghỉ, Giám đốc K ban hành quyết định sa thải chị. Việc làm của Giám đốc K đã vi phạm quyền bình đẳng trong lao động ở nội dung nào dưới đây?

**A.** Tìm kiếm, lựa chọn việc làm. **B.** Lựa chọn lao động có trình độ chuyên môn.

**C.** Giao kết hợp đồng lao động. **D.** Lựa chọn sử dụng lao động.

**----------- HẾT ----------**

**CÂU HỎI TỰ LUẬN**

**Câu 1:** Chị H là người dân tộc thiểu số được xét tuyển vào trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh. Tốt nghiệp Trung học phổ thông, cộng thêm điểm ưu tiên, chị trúng tuyển vào một trường Đại học. Sau khi tốt nghiệp, trở về quê hương, chị H đã tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn phát triển kinh tế. Chị còn cùng đoàn thanh niên phục dựng lại nhiều trò chơi dân gian của dân tộc mình. Trong kỳ bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, chị H đã trúng cử vào Hội đồng nhân dân huyện.

a. Việc chị H được hưởng các chế độ ưu tiên về học tập, có trái với nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc không? Vì sao?

b Em hãy chỉ ra những chi tiết chị H đã được thực hiện quyền bình đẳng giữa các
 dân tộc.

**Gợi ý trả lời**

Chị H đã được thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong các lĩnh vực sau:

- Bình đẳng về giáo dục: Chị H được xét tuyển vào học trường phổ thông dân tộc nội trú và được cộng điểm ưu tiên khi xét tuyển vào trường đại học.

- Bình đẳng về chính trị: Chị H được thực hiện quyền bầu cử và tham gia vào cơ quan quyền lực nhà nước như các dân tộc khác.

- Bình đẳng về kinh tế: Chị đã tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn phát triển kinh tế. Nhà nước có sự quan tâm đầu tư phát triển kinh tế với các vùng đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số…

b. Việc chị H là người dân tộc thiểu số được hưởng các chế độ ưu tiên không trái với nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Vì: Chị H là người dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn về:

+ Yếu tố địa hình.

+ Điều kiện kinh tế.

+ Phương tiện học tập.

**Câu 2:** Ông M giám đốc một tập đoàn đa quốc gia và chị B một người buôn bán nhỏ cùng vô tình tiếp xúc với một bệnh nhân nhiễm COVID 19. Sau đó, tại một điểm cách ly y tế tập trung, ông M và chị B cùng được cung cấp miễn phí các nhu yếu phẩm cần thiết. Liên tục trong hai tuần lễ, hằng ngày ông M và chị B đều thực hiện việc đo thân nhiệt và chăm sóc sức khỏe theo đúng hướng dẫn của nhân viên y tế.

Nêu rõ sự bình đẳng về quyền công dân giữa ông M và chị B?

**Gợi ý trả lời**

- Bình đẳng về hưởng quyền:

+ Cùng được thực hiện cách ly y tế tập trung.

+ Cùng hưởng chế độ như nhau

- Bình đẳng về nghĩa vụ:

+ Cùng thực hiện khai báo dịch tễ và cách ly y tế theo quy định.

+ Thực hiện theo đúng hướng dẫn của các cán bộ tại khu cách li.

**Câu 3:** Gia đình các chị A, B là hàng xóm của nhau. Chị A phát hiện điện thoại của mình bị mất và nghi ngờ cháu T con chị B lấy cắp. Trong lúc chị B đi vắng, chị A đã vào nhà riêng của chị B tìm kiếm và bắt cháu T về nhà mình tra khảo tìm điện thoại. Chị B biết chuyện đã xỉ nhục chị A và đi báo công an về việc chị B bắt con của mình tra khảo.

Trong tình huống trên:

a. Chị A và chị B đã vi phạm những quyền tự do cơ bản nào? Hãy chỉ rõ những hành vi vi phạm cụ thể của từng người?

b. Chị B đã thực hiện quyền tự do cơ bản nào?

**Gợi ý trả lời**

a. Chị B vi phạm quyền được pháp luật bảo đảm hộ tính mạng sk, nhân phẩm danh dự .

- Hành vi vi phạm cụ thể: Xỉ nhục chị A

- Chị A vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

- Hành vi vi phạm cụ thể: Tự ý vào nhà chị chị B để bắt cháu T.

b. Chị B đã thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

**Câu 4:** Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi sau đây:

Sau 10 năm kết hôn, vợ chồng chị Q và anh T đã mua được nhà riêng, đồng thời thành lập một công ty tư nhân. Khi con gái vào học lớp một, chị Q có mong muốn được tham gia khóa đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nhưng anh T kiên quyết phản đối.

a. Anh T có quyền ngăn cản việc học của vợ mình là chị Q hay không? Vì sao?

b. Chị Q cần làm gì để thực hiện quyền học tập của mình?

**Gợi ý trả lời**

a. Anh T không có quyền ngăn cản việc học của vợ mình.

Vì: Pháp luật nước ta quy định học tập là một trong những quyền cơ bản của con người. Theo đó, mọi công dân có quyền học không hạn chế.

b. Chị Q cần làm một số việc theo gợi ý sau đây để thực hiện quyền học tập của mình

- Phân tích cho anh T hiểu để nhận được sự ủng hộ của chồng.

- Sắp xếp thời gian, công việc hợp lý để tiếp tục thực hiện quyền học tập của bản thân.

**Câu 5:** Gia đình anh A, anh C và chị D cùng sinh sống tại địa phương X. Anh A đề nghị và được anh C đồng ý sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của anh C để khám bệnh. Khi chị D đe dọa tố cáo sự việc trên, anh A đã ném chất thải làm bẩn tường nhà chị D. Không những thế, vợ anh A là chị B còn đến trụ sở cơ quan nơi chị D công tác gây rối nên bị cơ quan chức năng lập biên bản xử phạt.

a. Trong tình huống trên, anh A, anh C và chị B cùng vi phạm pháp luật loại nào? Chỉ rõ từng hành vi vi phạm của những người đó.

b. Em đã dựa trên những dấu hiệu nào để xác định hành vi của những nhân vật trên là hành vi vi phạm pháp luật?

**Gợi ý trả lời**

a. Anh A, anh C và chị B cùng vi phạm pháp luật: hành chính

Cụ thể:

Anh A sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của người khác và ném chất thải làm bẩn tường nhà chị D

Anh C cho người khác sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của mình

Chị B: Gây rối tại trụ sở cơ quan chị D

b.Dấu hiệu để xác định hành vi vi phạm pháp luật:

- Là hành vi trái pháp luật.

- Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.

Người vi pháp luật phạm phải có lỗi.

Hành vi của anh A, anh c và chị B đều là hành vi vi phạm pháp luật vì có đủ 3 dấu hiệu trên.

**Câu 6:** Anh A là người kinh doanh đã đưa hối lộ cho anh B là cán bộ chức năng và đề nghị anh B bỏ qua việc anh A đã không nộp thuế theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh B đã từ chối nhận tiền, đồng thời lập biên bản xử phạt anh A.

Trong tình huống trên, anh A đã vi phạm những hình thức thực hiện pháp luật nào? Nếu tham gia hoạt động kinh doanh, em có định hướng như thế nào về hoạt động của bản thân.

**Gợi ý trả lời**

Hình thức vi phạm pháp luật của anh A:

+ Thi hành pháp luật: Không nộp thuế theo quy đinh.

+ Tuân thủ pháp luật: Đưa hối lộ cho cán bộ chức năng (làm điều pháp luật cấm)

- Định hướng hành vi bản thân:

+ Thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh như: nộp thuế đúng quy định của pháp luật, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng…

+ Phê phán những hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh

**Câu 7**

Gia đình bác Hoa mở cửa hàng kinh doanh mặt hàng điện tử. Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên việc kinh doanh bị đóng cửa dẫn đến thua lỗ. Mặc dù đã có quy định đóng cửa để phòng chống dịch, nhưng do hám lợi bác đã thuê nhân công bí mật gia công khẩu trang tế đã qua sử dụng để cung cấp ra thị trường

 a) Theo em, việc làm của bác Hoa là chưa thực hiện tốt hình thức thực hiện pháp luật nào. Vì sao?

 b) Trong cuộc sống hàng ngày, em đã thực hiện đúng quy định của pháp luật chưa? Nêu ví dụ cụ thể về hành vi thực hiện pháp luật của em.

**Gợi ý trả lời**

Việc làm của bác Hoa thể hiện 2 hình thức thực hiện pháp luật.

- Sử dụng pháp luật: bác Hoa sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm.

+ Bác Hoa đã sử dụng quyền được tự do kinh doanh để tiến hành hoạt động kinh doanh theo khả năng của mình.

- Thi hành pháp luật: bác Hoa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chủ động làm những gì pháp luật quy định phải làm.

+ Bác Hoa đã chủ động thực hiện nghĩa vụ đóng thuế và kinh doanh đúng mặt hàng đã đăng kí.

Trong cuộc sống hàng ngày em đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

**-** Ví dụ về hành vi thực hiện pháp luật.

+ Đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp điện đến trường, không vượt đèn đỏ.

+ Không mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép ma túy.

*( Học sinh lấy ví dụ khác cũng cho điểm tương đương)*

**Câu 8**

Tại sao người lao động và người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động? Thực hiện đúng nguyên tắc trong giao kết hợp đồng lao động đem lại quyền lợi gì cho người lao động và người sử dụng lao động?

**Gợi ý trả lời**

Việc pháp luật thừa nhận quyền sở hữu tài sản riêng của vợ

Là sự tôn trọng quyền sở hữu cá nhân của công dân nói chung và vợ chồng nói riêng

Tôn trọng sự độc lập của vợ chồng trong việc tham gia vào các mối quan hệ xã hội khác ngoài hôn nhân và gia đình. Đảm bảo sự tự do của vợ và chồng khi tham gia các giao dịch ngoài xã hội cũng như xác định rõ trách nhiệm